

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 - 43
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nicotex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nicotex tiền thân là xí nghiệp thuốc trừ sâu Nicotex được thành lập ngày 13 tháng 10 năm 1990. Công ty được chuyển đổi từ việc Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà Nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 41/2003/QĐ-BQP ngày 28 tháng 4 năm 2003 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101406944 ngày 09 tháng 6 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là: Sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Đình Niêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Dương	Ủy viên
Ông Cần Đặng Hiền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	Ủy viên
Ông Trần Văn Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Minh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Trở	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Niễn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Đức Thuyên	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam



Số: 05./2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nicotex, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị được đánh giá lại của tài sản khi góp vốn vào công ty con (chênh lệch tăng) và “Giá trị thương hiệu Nicotex” góp vốn vào công ty con đang được Công ty trình bày trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản”. Hàng năm, Công ty thực hiện phân bổ dần giá trị đánh giá lại tăng của tài sản vào “Thu nhập khác” theo giá trị khấu hao tương ứng với phần tăng thêm của tài sản tại Công ty con. Đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2016, số dư khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Công ty là 28.973.904.492 đồng (trong đó, chênh lệch đánh giá lại tài sản là 12.101.026.321 đồng, giá trị thương hiệu Nicotex là 16.872.878.171 đồng). Hiện tại, việc góp vốn bằng giá trị thương hiệu chưa có hướng dẫn của chế độ kế toán. Nếu khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn và khoản “Giá trị thương hiệu Nicotex” đều trên được ghi nhận phù hợp với chế độ kế toán thì tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2016, trên bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” sẽ giảm đi 28.973.904.492 đồng, chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” sẽ giảm đi 16.872.878.171 đồng, chỉ tiêu “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả” sẽ tăng thêm là 2.420.205.264 đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ tăng thêm 9.680.821.057 đồng, đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu “Thu nhập khác” giảm đi 970.430.848 đồng và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” cũng giảm đi tương ứng 970.430.848 đồng.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namvietvn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nicotex tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nicotex cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 30 tháng 12 năm 2015 về khoản đầu tư góp vốn của công ty mẹ vào các công ty con bao gồm cả giá trị thương hiệu. Chế độ hiện hành chưa quy định góp vốn bằng giá trị thương hiệu, do đó Kiểm toán viên chưa có căn cứ để đưa ra ý kiến về việc hạch toán khoản đầu tư bằng giá trị thương hiệu của Công ty vào các công ty con.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		144.744.983.546	220.539.018.607
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	15.278.162.676	26.556.427.589
1.	Tiền	111		4.838.162.676	20.756.427.589
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.440.000.000	5.800.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.000.000.000	8.000.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	8.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	27.696.786.873	31.403.119.335
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		28.806.073.863	28.710.146.174
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		196.494.808	599.611.219
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	1.850.000.000	3.427.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	478.934.844	2.301.078.584
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.634.716.642)	(3.634.716.642)
8.	Tài sản thiểu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	94.222.417.058	148.491.548.060
1.	Hàng tồn kho	141		101.536.417.069	154.291.451.106
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.314.000.011)	(5.799.903.046)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.547.616.939	6.087.923.623
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.547.616.939	6.078.223.063
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	9.700.560
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.520.321.493	136.054.053.931
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	500.000.000	-
II.	Tài sản cố định	220		8.532.065.084	10.929.949.420
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	7.922.372.480	10.004.443.475
	- <i>Nguyên giá</i>	222		20.355.361.391	20.582.808.663
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(12.432.988.911)	(10.578.365.188)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- <i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	609.692.604	925.505.945
	- <i>Nguyên giá</i>	228		8.254.141.688	8.254.141.688
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(7.644.449.084)	(7.328.635.743)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.208.129.600	495.779.600
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.208.129.600	495.779.600
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	125.825.910.976	124.628.324.911
1.	Đầu tư vào công ty con	251		127.131.500.606	125.548.540.606
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.305.589.630)	(920.215.695)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		454.215.833	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	454.215.833	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		281.265.305.039	356.593.072.538

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		142.422.762.021	223.295.473.496
I.	Nợ ngắn hạn	310		131.879.108.021	217.752.045.531
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	90.138.484.713	138.331.338.658
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.365.271.046	1.357.277.678
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.704.660.099	3.847.275.915
4.	Phải trả người lao động	314		2.157.520.317	924.913.495
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.717.612.132	10.609.969.273
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	6.473.360.521	5.812.545.817
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	9.298.179.473	53.969.933.387
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.024.019.720	2.898.791.308
II.	Nợ dài hạn	330		10.543.654.000	5.543.427.965
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	5.543.654.000	5.543.427.965
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		5.000.000.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138.842.543.018	133.297.599.042
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	138.842.543.018	133.297.599.042
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.707.090.000	63.707.090.000
	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		63.707.090.000	63.707.090.000
	- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		28.973.904.492	29.944.335.340
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		21.224.644.658	19.564.504.040
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.936.903.868	20.081.669.662
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		2.095.829.803	3.480.263.482
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		22.841.074.065	16.601.406.180
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		281.265.305.039	356.593.072.538

Người lập biểu

Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng

Trịnh Đức Thuyền



Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	513.864.322.699	583.035.281.042
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	1.439.686.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		513.864.322.699	581.595.595.042
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	452.735.185.901	523.887.755.964
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.129.136.798	57.707.839.078
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	10.058.718.702	8.209.615.637
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	7.919.142.625	20.063.305.257
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.182.776.229	5.474.920.630
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	9.065.039.841	13.049.902.117
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	28.419.733.296	21.236.386.304
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.783.939.738	11.567.861.037
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	3.627.576.499	9.117.240.506
12.	Chi phí khác	32	VI.07	25.599.273	874.024.323
13.	Lợi nhuận khác	40		3.601.977.226	8.243.216.183
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.385.916.964	19.811.077.220
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	6.544.842.900	3.209.671.040
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.841.074.064	16.601.406.180

Người lập biểu

Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng

Trịnh Đức Thuyền

Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		533.969.225.872	618.817.917.432
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(458.703.431.863)	(547.282.675.393)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.866.017.396)	(6.860.708.205)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(7.826.810.972)	(5.328.152.291)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(4.260.321.074)	(1.330.201.679)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.956.430.638	28.215.977.770
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.340.331.897)	(20.823.459.496)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.928.743.308	65.408.698.138
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(842.158.000)	(1.580.876.480)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		340.000.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	4.953.041.600
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.577.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.582.960.000)	(12.601.131.540)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	540.204.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.624.530.819	7.183.530.368
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.616.412.819	(1.505.232.052)

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		365.768.588.701	400.160.582.248
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(410.440.342.615)	(469.386.687.247)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.147.579.620)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.819.333.534)	(69.226.104.999)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(11.274.177.407)	(5.322.638.913)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26.556.427.589	31.795.859.350
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.087.506)	83.207.152
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		15.278.162.676	26.556.427.589

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng

Trịnh Đức Thuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là: Sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty có 16 Công ty con.

- Danh sách Công ty con gồm:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	Số 01 Tô 11A, Khu phố Bình Đức 3, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương
Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng	Xuân Thiều, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Nicotex Thái Bình	Số 1 - Đường Trần Thái Tông - Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	Số 68 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk
Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ	Lô 30A3-4-KCN Trà Nóc 1 - ĐLHP - Q. Bình Thủy - TP. Cần Thơ
Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	Lô M1, Đường số 3, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An
Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai	136 Ngô Quyền, TP. PleiKu , Gia Lai
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	Số nhà 372 đường Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà nội
Công ty TNHH Nicotex Cambodia	No 16 Taphrum Prek Eng Chbar Ompov Phnom Penh Cambodia
Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	KCN Tiền Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương	Lô N 6 - Đường D4 - KCN Nam Tân Uyên - Xã Khánh Bình - Huyện Tân Uyên - Bình Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên Công ty con	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà nội
Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và Kinh doanh bất động sản	Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà nội
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái	Khu Z4- xã Cẩm Vân- huyện Cẩm Thủy- tỉnh Thanh Hóa

06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một số số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Các qui định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty là tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cỗ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Nhãn hiệu hàng hoá	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

08. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kê toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khê ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tắc.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thu suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.813.649.410	205.101.942
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.024.513.266	9.488.722.372
- Tiền đang chuyển	-	11.062.603.275
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.440.000.000	5.800.000.000
Cộng	15.278.162.676	26.556.427.589

(*): Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm					
	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ lợi ích quyết (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
- Đầu tư vào công ty con			127.131.500.606	(1.305.589.630)	125.825.910.976		125.548.540.606	(920.215.695)	124.628.324.911	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội	48,74	61,88	5.359.939,941	-	5.359.939,941	48,74	61,88	5.359.939,941	-	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	68,57	76,57	8.418.930.000	-	8.418.930.000	68,57	77,70	7.482.330.000	-	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng	72,03	81,04	1.913.990.000	-	1.913.990.000	72,93	81,04	1.913.990.000	(102.561.430)	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình	57,05	72,74	6.166.940.000	-	6.166.940.000	57,06	72,74	6.166.940.000	-	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	51,00	46,16	6.552.006.983	-	6.552.006.983	46,16	51,00	6.552.006.983	-	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ	80,96	70,46	6.839.110.000	-	6.839.110.000	70,46	80,96	6.839.110.000	-	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	73,08	78,03	8.890.160.000	-	8.890.160.000	73,03	78,50	8.890.160.000	-	
+ Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai	80,82	84,81	2.997.580.000	-	2.997.580.000	70,63	77,78	2.351.220.000	-	
+ Công ty CP chuyên giao tiền bộ KTNNN Nicotex	86,84	88,27	7.207.120.000	(547.857.522)	6.659.262.478	86,84	88,27	7.207.120.000	(299.991.996)	
+ Công ty CP Nicotex Đông Thái	83,99	84,68	23.612.600.000	-	23.612.600.000	82,46	84,68	23.612.600.000	-	
+ Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương	88,11	88,59	37.238.280.000	-	37.238.280.000	84,94	88,59	37.238.280.000	-	
+ Công ty TNHH truyền thông Nicotex VN	56,60	56,60	300.000.000	-	300.000.000	56,60	56,60	300.000.000	-	
+ Công ty CP Nicotex đầu tư và KD bất động sản	53,71	53,71	4.581.580.000	-	4.581.580.000	53,71	53,71	4.581.580.000	-	
+ Công ty CP Nicotex Thành Thái	64,25	64,25	2.992.013.682	(757.732.108)	2.234.281.574	64,25	64,25	2.992.013.682	(517.662.269)	
Cộng			127.131.500.606	(1.305.589.630)	125.825.910.976		125.548.540.606	(920.215.695)	124.628.324.911	

Giá trị hợp lý được xác định bằng giá gốc đối với các con không phát sinh lỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp vào công ty con:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Góp vốn bằng thương hiệu Nicotex	Góp vốn bằng tiền, tài sản cố định	Tổng	Góp vốn bằng thương hiệu Nicotex	Góp vốn bằng tiền, tài sản cố định	Tổng
- Đầu tư vào công ty con	16.872.878.171	110.258.622.435	127.131.500.606	16.872.878.171	108.675.662.435	125.548.540.606
+ Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội	2.220.345.560	3.139.594.381	5.359.939.941	2.220.345.560	3.139.594.381	5.359.939.941
+ Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	2.799.299.496	5.619.630.504	8.418.930.000	2.799.299.496	4.683.030.504	7.482.330.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng	760.601.105	1.153.388.895	1.913.990.000	760.601.105	1.153.388.895	1.913.990.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Thái Bình	3.095.506.060	3.071.433.940	6.166.940.000	3.095.506.060	3.071.433.940	6.166.940.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	1.154.030.437	5.397.976.546	6.552.006.983	1.154.030.437	5.397.976.546	6.552.006.983
+ Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ	3.001.136.350	3.837.973.650	6.839.110.000	3.001.136.350	3.837.973.650	6.839.110.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	2.216.602.248	6.673.557.752	8.890.160.000	2.216.602.248	6.673.557.752	8.890.160.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai	735.913.582	2.261.666.418	2.997.580.000	735.913.582	1.615.306.418	2.351.220.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	889.443.333	6.317.676.667	7.207.120.000	889.443.333	6.317.676.667	7.207.120.000
+ Công ty Cổ phần chuyên giao tiên bộ KTNN Nicotex	-	918.000.000	918.000.000	-	918.000.000	918.000.000
+ Công ty TNHH Nicotex Cambodia	-	3.143.250.000	3.143.250.000	-	3.143.250.000	3.143.250.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	-	23.612.600.000	23.612.600.000	-	23.612.600.000	23.612.600.000
+ Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương	-	37.238.280.000	37.238.280.000	-	37.238.280.000	37.238.280.000
+ Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh bất động sản	-	4.581.580.000	4.581.580.000	-	4.581.580.000	4.581.580.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái	-	2.992.013.682	2.992.013.682	-	2.992.013.682	2.992.013.682
Công	16.872.878.171	110.258.622.435	127.131.500.606	16.872.878.171	108.675.662.435	125.548.540.606

Theo cam kết giữa cổ đông công ty con và Công ty thi phần vốn góp khi phân chia lợi nhuận tại công ty con trong vòng 10 năm kể từ năm góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong năm:**Góp vốn đầu tư**

- + Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương
- + Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai

*Đơn vị tính: VND**Năm nay***1.582.960.000**

936.600.000

646.360.000

509.714.703.411

87.735.906.862

84.030.609.516

16.957.998.615

44.412.921.447

54.787.875.826

43.461.552.304

43.251.205.086

46.986.128.060

12.390.293.480

23.618.425.242

51.370.231.521

701.450.000

10.105.452

36.554.989.849

4.051.509.109

32.503.480.740

19.454.708.738

8.087.662.174

11.367.046.564

2.003.815.296

498.384.663

1.505.430.633

3.500.000.000

3.500.000.000

118.905.962

23.012.699

95.893.263

2.500.000.000

2.500.000.000

7.194.516.912

470.939.166

936.600.000

122.857.358

539.797.654

383.794.065

467.149.042

404.060.000

220.320.000

708.378.000

2.606.679.600

287.742.027

46.200.000

Doanh thu bán hàng

- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương
- Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang
- Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex
- Công ty TNHH Nicotex Cambodia
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương

Mua nguyên vật liệu

- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương

Chi phí gia công

- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương

Xử lý nguyên vật liệu dôi dư

- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương

Vay

- + Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái

Lãi vay

- + Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- + Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản

Cho vay

- + Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái

Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang
- Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai
- Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương
- Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản
- Công ty TNHH Truyền thông Nicotex Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND	Năm nay
Cho thuê văn phòng		143.181.818
- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội		62.181.818
- Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex		52.909.091
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam		20.181.818
- Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh Bất Động sản		7.909.091
		309.090.909
Bán tài sản cố định		309.090.909
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang		309.090.909
		3.983.216.908
Chi phí vận chuyển		1.873.163.523
- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội		841.645.816
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk		913.913.281
- Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai		102.808.032
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa		66.705.820
- Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex		184.980.436
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái Bình		1.620.923.125
Mua dịch vụ		1.620.923.125
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam		118.007.273
Mua tài sản cố định		118.007.273
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam		

03. Phải thu của khách hàng

a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác

b. Phải thu của khách hàng dài hạn

Cộng

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
	28.806.073.863	28.710.146.174
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	12.287.296.019	14.523.889.369
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ	4.350.452.084	1.429.960.727
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	3.559.353.743	4.802.602.425
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	8.608.972.017	7.953.693.653
	28.806.073.863	28.710.146.174

Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương
- Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa
- Công ty TNHH Nicotex Cambodia
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam
- Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và Kinh doanh bất động sản

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	28.725.907.620	28.690.987.890
- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội	2.517.177.352	2.061.180.798
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	-	360.720.570
- Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng	1.825.618.899	1.004.744.763
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình	9.777	2.632.871.508
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	12.287.296.019	14.523.889.369
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ	4.350.452.084	1.429.960.727
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	2.176.564.722	856.852.200
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	3.559.353.743	4.802.602.425
- Công ty TNHH Nicotex Cambodia	1.405.967.955	-
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	540.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương	11.115.997	965.254.400
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam	40.728.508	31.099.420
- Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và Kinh doanh bất động sản	11.622.564	21.811.710
	28.725.907.620	28.690.987.890

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.850.000.000	-	3.427.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam	-	-	125.000.000	-
- Bà Bùi Thị Nga	350.000.000	-	350.000.000	-
- Ông Hà Văn Trở	-	-	1.452.000.000	-
b. Dài hạn	500.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	500.000.000	-	-	-
Công	2.350.000.000	-	3.427.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	
a. Ngắn hạn			
- Tạm ứng			
- Phai thu khác			
+ Phai thu lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn			
+ Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương			
+ Các khoản phai thu khác			
b. Dài hạn			
Cộng	478.934.844		

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	
- Nguyên liệu, vật liệu	59.240.043.176	(5.178.038.706)	96.516.541.010
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	485.001.510	-	857.914.411
- Thành phẩm	39.354.897.178	(2.135.961.305)	56.916.995.685
- Hàng hoá	2.456.475.205	-	-
Cộng	101.536.417.069	(7.314.000.011)	154.291.451.106

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	
Xây dựng cơ bản dở dang			
- Chi phí đầu tư sản phẩm mới	495.779.600	495.779.600	
- Chi phí nâng cấp phần mềm	712.350.000	-	
Cộng	1.208.129.600	495.779.600	

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phuromtien vật tài, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		13.193.994.438	813.498.404	6.329.155.685	246.160.136	20.582.808.663
- Mua trong năm		-	-	-	118.007.273	118.007.273
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(345.454.545)	-	(345.454.545)
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		13.193.994.438	813.498.404	5.983.701.140	364.167.409	20.355.361.391
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		6.995.242.543	639.390.083	2.719.765.956	223.966.606	10.578.365.188
- Khäu hao trong năm		1.048.907.903	43.865.831	650.437.066	140.200.803	1.883.411.603
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	(28.787.880)	-	(28.787.880)
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm		8.044.150.446	683.255.914	3.341.415.142	364.167.409	12.432.988.911
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		6.198.751.895	174.108.321	3.609.389.729	22.193.530	10.004.443.475
2. Tại ngày cuối năm		5.149.843.992	130.242.490	2.642.285.998	-	7.922.372.480

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 2.240.622.810 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	102.948.195	8.059.131.493	92.062.000	8.254.141.688
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	102.948.195	8.059.131.493	92.062.000	8.254.141.688
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	90.495.376	7.146.078.367	92.062.000	7.328.635.743
- Khäu hao trong năm	-	315.813.341	-	315.813.341
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	90.495.376	7.461.891.708	92.062.000	7.644.449.084
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	12.452.819	913.053.126	-	925.505.945
2. Tại ngày cuối năm	12.452.819	597.239.785	-	609.692.604

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	454.215.833	-
- Chi phí sửa chữa	454.215.833	-
Cộng	454.215.833	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	Số cuối năm
	Giá trị	năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn				
- Vay ngân hàng				
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Hà Nội	5.106.596.620	5.106.596.620	116.759.330.410	121.865.927.030
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	10.872.086.000	10.872.086.000	154.110.723.108	164.982.809.108
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	17.533.764.300	17.533.764.300	43.871.174.910	61.404.939.210
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ	-	-	2.415.827.294	2.415.827.294
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Ba Đình	11.480.562.400	11.480.562.400	14.786.617.115	26.267.179.515
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	21.775.193.415	21.775.193.415
- Vay đối tượng khác				
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh bất động sản ⁽¹⁾	1.700.000.000	1.700.000.000	-	1.700.000.000
+ Quỹ Tầm Lòng Vàng ⁽²⁾	167.887.800	167.887.800	202.966.000	30.000.000
+ Ông Nguyễn Thành Nam ⁽²⁾	2.521.849.602	2.521.849.602	3.997.538.431	4.230.640.683
+ Ông Phan văn Khải ⁽²⁾	-	-	2.241.248.927	-
+ Ông Nguyễn Hoàng Bá ⁽²⁾	1.398.956.100	1.398.956.100	249.545.860	48.000.000
+ Bà Bùi Thị Thu Hà ⁽²⁾	2.226.405.300	2.226.405.300	857.826.981	3.084.232.281
+ Các đối tượng khác	961.825.265	961.825.265	1.000.596.250	835.594.079
Công	53.969.933.387	53.969.933.387	365.768.588.701	410.440.342.615
				9.298.179.473

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1): Khoản vay Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản theo Hợp đồng vay tiền số 03/2013 ngày 22 tháng 3 năm 2013 và số 08/2013 ngày 20 tháng 11 năm 2013 để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn vay là một tháng và sẽ được tái tục nếu như hai bên chưa thanh lý hợp đồng tại ngày đáo hạn. Lãi suất vay là 9%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

(2): Là các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay là 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay Ngắn hạn				
+ Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và Kinh doanh bất động sản	1.700.000.000	95.893.263	1.700.000.000	-
+ Ông Nguyễn Thành Nam	2.288.747.350	-	2.521.849.602	-
+ Bà Bùi Thị Thu Hà	-	-	2.226.405.300	-
+ Ông Nguyễn Thanh Minh	344.650.614	-	309.001.541	-
+ Ông Nguyễn Thành Đạt	95.200.132	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	594.117.585	-	300.647.908	-
Cộng	5.022.715.681	95.893.263	7.057.904.351	-

12. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Eastchem Co., LTD	90.138.484.713	90.138.484.713	138.331.338.658	138.331.338.658
- Guangxi Dong Fang Hong Business Co, LTD	72.535.043.200	72.535.043.200	127.297.072.370	127.297.072.370
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	10.405.118.387	10.405.118.387	3.152.591.811	3.152.591.811
Cộng	7.198.323.126	7.198.323.126	7.881.674.477	7.881.674.477
	90.138.484.713	90.138.484.713	138.331.338.658	138.331.338.658

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Nicotex Đông Thái	987.640.726	987.640.726	1.754.880.554	1.754.880.554
Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương	1.115.917.496	1.115.917.496	2.442.378.330	2.442.378.330
Công ty TNHH truyền thông Nicotex VN	152.772.983	152.772.983	-	-
Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và KD bất động sản	792.921.168	792.921.168	351.566.195	351.566.195
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái	328.526.360	328.526.360	668.168.116	668.168.116
Cộng	3.377.778.733	3.377.778.733	5.216.993.195	5.216.993.195

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	197.400.000	197.400.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	838.067.630	838.067.630	597.997.944	597.997.944
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	329.803.416	329.803.416	759.279.734	759.279.734
Cộng	1.365.271.046	1.365.271.046	1.357.277.678	1.357.277.678

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	197.400.000	197.400.000	-	-
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	838.067.630	838.067.630	597.997.944	597.997.944
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	329.803.416	329.803.416	759.279.734	759.279.734
Cộng	1.365.271.046	1.365.271.046	1.357.277.678	1.357.277.678

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	9.700.560	-	347.742.156	338.041.596	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.231.556.082	6.544.842.900	4.260.321.074	-	5.516.077.908
- Thuế thu nhập cá nhân	-	615.719.833	816.743.590	243.881.232	-	1.188.582.191
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	9.700.560	3.847.275.915	7.712.328.646	4.845.243.902	6.704.660.099	6.704.660.099

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	13.717.612.132	10.609.969.273
- Lãi vay phải trả	-	1.879.124.950
- Quỹ khuyến khích tăng doanh thu	979.442.290	979.442.290
- Chính sách bán hàng phải trả	5.437.182.805	4.229.830.390
- Xử lý môi trường Công ty Thanh Thái	2.336.987.037	2.336.987.037
- Các khoản trích trước khác	4.964.000.000	1.184.584.606
b. Dài hạn	-	-
Cộng	13.717.612.132	10.609.969.273

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	6.473.360.521	5.812.545.817
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	129.367.009
- Kinh phí công đoàn	160.982.211	132.130.838
- Bảo hiểm xã hội	445.672.650	13.064.946
- Bảo hiểm y tế	67.134.098	78.719.337
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.455.457	5.776.505
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.769.116.105	5.453.487.182
+ Tổng cục Hậu Cần	452.540.662	452.540.662
+ Hàng nhò sisa chữa	363.363.188	363.363.188
+ Phải trả chi phí xây dựng nhà và bảo hành	174.345.347	174.345.347
+ Công ty 28	31.490.800	31.490.800
+ Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư Kinh doanh Bất động sản	95.893.263	-
+ Phải trả, phải nộp khác	4.651.482.845	4.431.747.185
b. Dài hạn	5.543.654.000	5.543.427.965
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.543.654.000	5.543.427.965
Cộng	12.017.014.521	11.355.973.782

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
 Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chia phần phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	53.089.598.000	30.962.496.927	17.997.446.153	17.930.223.883	119.979.764.963
Tăng vốn trong năm trước	10.617.492.000	-	-	-	10.617.492.000
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	16.601.406.180	16.601.406.180
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.567.057.887	(14.449.960.401)	(12.882.902.514)
Giảm khác	-	(1.018.161.587)	-	-	(1.018.161.587)
Số dư cuối năm trước	63.707.090.000	29.944.335.340	19.564.504.040	20.081.669.662	133.297.599.042
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	22.841.074.064	22.841.074.064
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	1.660.140.618	(17.985.839.858)	(16.325.699.240)
Giảm khác	-	(970.430.848)	-	-	(970.430.848)
Số dư cuối năm nay	63.707.090.000	28.973.904.492	21.224.644.658	24.936.903.868	138.842.543.018

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn	12.101.026.321	13.071.457.169
Giá trị thương hiệu Nicotex góp vốn vào công ty con	16.872.878.171	16.872.878.171
Cộng	28.973.904.492	29.944.335.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

() Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm:**

	Năm nay
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	1.660.140.618
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.320.281.236
Trích cổ tức chi trả	12.741.418.004
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	264.000.000
Cộng	17.985.839.858

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trường Đức Thịnh	11.837.920.000	18,58	11.837.920.000	18,58
+ Ông Nguyễn Thành Nam	15.000.220.000	23,55	15.000.220.000	23,55
+ Các đối tượng khác	36.868.950.000	57,87	36.868.950.000	57,87
Cộng	63.707.090.000	100	63.707.090.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	63.707.090.000	53.089.598.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	10.617.492.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	63.707.090.000	63.707.090.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.741.418.004	10.617.492.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.370.709	6.370.709
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.370.709	6.370.709
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	21.224.644.658	19.564.504.040
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.024.019.720	2.898.791.308
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	5.000.000.000	-
Cộng	28.248.664.378	22.463.295.348

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

- USD
- CNY

Số cuối năm	Số đầu năm
19.544,20	800
-	24.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	513.864.322.699	583.035.281.042
Cộng	513.864.322.699	583.035.281.042

Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay
- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội	87.735.906.862
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương	84.030.609.516
- Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng	16.957.998.615
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình	44.412.921.447
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk	54.787.875.826
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ	43.461.552.304
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang	43.251.205.086
- Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai	46.986.128.060
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa	12.390.293.480
- Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex	23.618.425.242
- Công ty TNHH Nicotex Cambodia	51.370.231.521
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái	701.450.000
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương	10.105.452
Cộng	509.714.703.411

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	1.439.686.000
Cộng	1.439.686.000	1.439.686.000

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	451.221.088.936	528.663.057.975
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.514.096.965	(4.775.302.011)
Cộng	452.735.185.901	523.887.755.964

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.148.338.017	2.267.204.132
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.251.330.544	5.132.497.681
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.659.050.141	809.913.824
Cộng	10.058.718.702	8.209.615.637

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.182.776.229	5.474.920.630
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	633.019.710
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.350.992.461	13.336.218.489
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	385.373.935	619.146.428
Cộng	7.919.142.625	20.063.305.257

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền nguyên vật liệu thừa	2.003.815.296	2.532.842.898
- Lãi do phân bổ chênh lệch đánh giá lại tài sản	970.430.848	1.018.161.587
- Hoàn nhập chi phí chính sách bán hàng năm 2012	-	417.391.728
- Các khoản khác	653.330.355	5.148.844.293
Cộng	3.627.576.499	9.117.240.506

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ từ hoạt động thanh lý TSCĐ	7.575.756	-
- Tiền phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	6.425.173	247.762.023
- Chi phí quản lý khu đất 6,7 ha	-	626.262.300
- Các khoản khác	11.598.344	-
Cộng	25.599.273	874.024.323

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	28.419.733.296	21.267.770.227
- Chi phí nhân viên quản lý	12.748.221.658	9.008.834.344
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	1.160.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.646.990.257	2.381.280.434
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	5.000.000.000	-
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.021.521.381	9.873.495.449
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	9.065.039.841	13.018.518.194
- Các khoản khác bằng tiền	9.065.039.841	13.018.518.194
Cộng	37.484.773.137	34.286.288.421

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.544.842.900	3.209.671.040
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.544.842.900	3.209.671.040

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	366.523.897.206
- Chi phí nhân công	7.780.064.189
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.199.224.944
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.966.459.623
- Chi phí khác bằng tiền	24.849.325.672
- Chi phí dự phòng	1.514.096.965
Cộng	469.833.068.599

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND
Năm nay***Hội đồng quản trị****Ông Nguyễn Thành Nam - Chủ tịch**

Vay tiền	3.997.538.431
Trả tiền vay	4.230.640.683
Lãi vay đã trả	612.964.139

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Ủy Viên

Vay tiền	293.469.677
Lãi vay đã trả	59.480.990

Ông Nguyễn Thành Minh - Ủy Viên

Vay tiền	568.869.618
Trả tiền vay	533.220.545
Lãi vay đã trả	49.003.613

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**Đơn vị tính: VND****Năm nay****Các cá nhân có liên quan****Ông Nguyễn Thành Đạt**

Vay tiền 49.320.789

Lãi vay đã trả 2.642.355

Bà Bùi Thị Thu Hà

Vay tiền 857.826.981

Trả tiền vay 3.084.232.281

Lãi vay đã trả 894.500.497

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Thành Nam		
- Vay ngắn hạn	2.288.747.350	2.521.849.602
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga		
- Vay ngắn hạn	594.117.585	300.647.908
Ông Nguyễn Thành Minh		
- Vay ngắn hạn	344.650.614	309.001.541
Các cá nhân có liên quan		
Bà Bùi Thị Thu Hà		
- Vay ngắn hạn	-	2.226.405.300
Ông Nguyễn Thành Đạt		
- Vay ngắn hạn	95.200.132	-
Công nợ phải trả	3.322.715.681	5.357.904.351

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay
Tiền lương	1.561.112.256
Công	1.561.112.256

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

- Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội
- Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương
- Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng
- Công ty Cổ phần Nicotex Thái bình
- Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk
- Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ
- Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang
- Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ Kỹ thuật nông nghiệp Nicotex
- Công ty TNHH Nicotex Cambodia
- Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
- Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương
- Công ty TNHH truyền thông Nicotex Việt Nam
- Công ty Cổ phần Nicotex đầu tư và Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái

Mối quan hệ

- Công ty con

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.2, không có các nghiệp vụ phát sinh khác trong năm giữa Công ty với các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.11, V.12, V.13, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nicotex Đăk Lăk		
+ Phải thu khác	4.408.972	-
+ Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Nicotex ĐôngThái		
+ Phải thu khác	11.871.256	23.647.260
+ Phải thu về cho vay dài hạn	500.000.000	-
Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương		
+ Phải thu khác	69.020.368	-
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa		
+ Phải thu khác	451.007.100	-
Công nợ phải thu	2.536.307.696	1.523.647.260
 Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương		
+ Phải trả khác	26.220.000	-
+ Người mua trả tiền trước	197.400.000	-
Công ty Cổ phần Nicotex Thái Bình		
+ Phải trả khác	1.585.004	-
Công ty Cổ phần chuyển giao tiến bộ KTNN Nicotex		
+ Phải trả khác	24.957.738	-
+ Người mua trả tiền trước	329.803.416	759.279.734
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái		
+ Phải trả khác	24.500.000	-
Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương		
+ Phải trả khác	-	129.367.009
Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai		
+ Người mua trả tiền trước	838.067.630	597.997.944
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa		
+ Phải trả khác	451.007.100	-
Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái		
+ Phải trả khác	-	23.647.260
Công nợ phải trả	1.893.540.888	1.510.291.947

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc Việt Nam
- Miền Trung Việt Nam
- Miền Nam Việt Nam
- Campuchia

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX
 Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc Việt Nam	Miền Trung Việt Nam	Miền Nam Việt Nam	Campuchia	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	160.618.322.839	131.122.295.981	170.753.472.358	51.370.231.521	513.864.322.699
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					
- Chi phí phân bổ	152.559.049.264	124.543.031.322	162.185.651.930	48.792.650.445	488.080.382.961
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	8.059.273.575	6.579.264.659	8.567.820.428	2.577.581.076	25.783.939.738
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	414.425.124	338.319.893	440.575.693	132.544.744	1.325.865.454
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	700.317.406	571.710.778	744.508.016	223.981.092	2.240.517.292
Số dư cuối năm					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	41.512.742.367	33.889.322.185	44.132.230.874	13.276.935.961	132.811.231.387
- Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	41.512.742.367	33.889.322.185	44.132.230.874	13.276.935.961	148.454.073.652
- Nợ phải trả bộ phận	42.321.519.402	34.549.575.013	44.992.042.412	13.535.605.474	135.398.742.301
- Nợ phải trả không phân bổ					
Tổng nợ phải trả	42.321.519.402	34.549.575.013	44.992.042.412	13.535.605.474	142.422.762.021

Lĩnh vực kinh doanh:

Trên 90% doanh thu trong năm của Công ty là doanh thu bán thuốc bảo vệ thực vật.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	
Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số cuối năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trung đương tiền	15.278.162.676	-	26.556.427.589	-
Phải thu về cho vay	2.350.000.000	-	3.427.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.943.035.945	(3.634.716.642)	30.417.163.229	(3.634.716.642)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Công	51.571.198.621	(3.634.716.642)	68.400.590.818	(3.634.716.642)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	90.138.484.713	138.331.338.658	90.138.484.713	138.331.338.658
Vay và nợ	9.298.179.473	53.969.933.387	9.298.179.473	53.969.933.387
Chi phí phải trả	13.717.612.132	10.609.969.273	13.717.612.132	10.609.969.273
Các khoản phải trả khác	5.769.116.105	5.453.487.182	5.769.116.105	5.453.487.182
Công	118.923.392.423	208.364.728.500	118.923.392.423	208.364.728.500

Đơn vị tính: VNĐ

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	<i>Đơn vị tính: VND</i>
				Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	90.138.484.713	-	-	90.138.484.713
Vay và nợ	9.298.179.473	-	-	9.298.179.473
Chi phí phải trả	13.717.612.132	-	-	13.717.612.132
Các khoản phải trả khác	5.769.116.105	-	-	5.769.116.105
Cộng	118.923.392.423	-	-	118.923.392.423

Số đầu năm

Phải trả cho người bán	138.331.338.658	-	-	138.331.338.658
Vay và nợ	53.969.933.387	-	-	53.969.933.387
Chi phí phải trả	10.609.969.273	-	-	10.609.969.273
Các khoản phải trả khác	5.453.487.182	-	-	5.453.487.182
Cộng	208.364.728.500	-	-	208.364.728.500

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Thăng Long - T.D.K. Trong đó, một số khoản mục được phân loại lại và trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số tiền (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2015		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2016	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	594.061.029	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Phải thu về cho vay	3.427.000.000	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	619.092.519.121		583.035.281.042	(36.057.238.079)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37.496.924.079		1.439.686.000	(36.057.238.079)
Giá vốn hàng bán	11	528.663.057.975		523.887.755.964	(4.775.302.011)
Thu nhập khác	31	13.892.542.517		9.117.240.506	(4.775.302.011)

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Phạm Hữu Danh

Kế toán trưởng

Trịnh Đức Thuyền

Hà Nội ngày 23 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam